TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2026
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Phương

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiển - *Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đạt – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2026 Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1983*;*

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn*: Ông **Trần Anh T**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt bà L, vắng mặt ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Bà Lê Thị L và ông Trần Anh T tự nguyện chung sống và cưới nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An. Bà L và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà L và ông T đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay mâu thuẫn giữa bà L và ông T ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Trần Anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có 01 con chung tên Trần Thị Anh T1, sinh ngày 26/12/2007. Khi ly hôn cháu T1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/5/2026, bị đơn ông Trần Anh T trình bày*:

Bà Lê Thị L và ông Trần Anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An. Ông T không đồng ý ly hôn với bà L vì trong cuộc sống hôn nhân không có mâu thuẫn nghiêm trọng, có đôi khi vợ chồng cự cãi lời qua tiếng lại, ông T không có đánh bà L. Bà L và ông T có 01 con chung tên Trần Thị Anh T1, sinh ngày 26/12/2007, hiện nay đã thành niên và tự lao động được. Về tài sản chung và nợ chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận nhiều công việc gia đình nên ông T xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn bà Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Anh T. Bị đơn ông Trần Anh T vắng mặt.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm*:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L: Cho bà Lê Thị L và ông Trần Anh T ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị L yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Anh T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Ông T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Trần Anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T, Hội đồng đồng xét xử thấy rằng mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống bà L và ông T lại phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được, khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà cũng đã ly thân một khoảng thời gian dài. Bà L cho rằng tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nên không thể sống chung được nữa. Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho bà L và ông T đoàn tụ nhưng ông T không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ ông T cũng không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, thể hiện tình cảm giữa bà L và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị L.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có 01 con chung tên Trần Thị Anh T1, sinh ngày 26/12/2007. Khi ly hôn cháu T1 đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

Vì caùc leõ treân,

QUYEÁT ÑÒNH :

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 cuûa Luaät hoân nhaân vaø gia ñình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L.

1/ Về hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Trần Anh T.

2/ Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà L đã tạm nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005951 ngày 21/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp do đó xem như đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nôi nhaän:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đ;
- UBND xã V, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Cẩm L1